

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2020/DS-PT
Ngày 04 - 3 - 2020
V/v tranh chấp vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Kiều

Các Thẩm phán: Ông Trương Thanh Dũng
Bà Cao Thị Túy Giang

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Chúc Ly – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Hồng Thu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 02 và ngày 04 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 145/2019/TLPT-DS ngày 19 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2019/DS-ST ngày 14 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 02/2020/QĐ-PT ngày 14 tháng 01 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trương Thị N, sinh năm 1961; cư trú tại: Ấp T, thị trấn H, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (có đơn xin vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Trịnh Thanh N1, Văn phòng Luật sư Trịnh Thanh Minh, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

- Bị đơn:

1. Chị Trần Trúc L (Tên gọi khác: T), sinh năm 1986; cư trú tại: Ấp T, thị trấn H, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

2. Anh Võ Xuân D, sinh năm 1982; cư trú tại: Ấp T, thị trấn H, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

- Người kháng cáo: Bị đơn chị Trần Trúc L và anh Võ Xuân D; cùng cư trú tại: Ấp T, thị trấn H, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là bà Trương Thị N trình bày:

Vào năm 2018, bà có cho chị Trần Trúc L vay tiền nhiều lần, chị L cứ hứa hẹn nhưng không trả; đến ngày 13/01/2019 (âm lịch) bà tiếp tục đòi chị L trả tiền thì chị L có làm biên nhận nợ với số tiền gốc là 2.460.000.000 đồng, lãi suất là 5%/tháng do chị L tự nói mức lãi suất chứ bà không yêu cầu. Tờ giấy nhận nợ do chị L viết có nội dung “*T có mượn số tiền của bà Trương Thị N 2.460.000.000đ ...*”. Sau khi viết giấy nhận nợ một thời gian thì chị L nói với bà là không có khả năng trả, chị L yêu cầu mỗi ngày trả 3.000.000 đồng cho đến khi thanh toán xong nợ thì bà cũng đồng ý. Chị L trả được 40 ngày số tiền 120.000.000 đồng (bà không nhớ ngày nào), còn nợ lại 2.340.000.000 đồng thì ngưng không trả cho đến nay; bà có đòi nhiều lần nhưng chị L cố tình lách mặt không trả. Nay bà yêu cầu chị L, anh D trả cho bà số tiền 2.340.000.000 đồng, tiền lãi tính theo pháp luật từ khi vay đến khi trả xong nợ, lãi trong giai đoạn thi hành án. Ngoài ra, bà không có ý kiến gì khác.

Bị đơn chị Trần Trúc L trình bày:

Chị có vay tiền của bà N, chị xác nhận vào năm 2013 (không nhớ tháng) chứ không phải năm 2018, chị vay 5.000.000 đồng góp trong 60 ngày, mỗi ngày góp 100.000 đồng; chị góp được 40 ngày còn lại 20 ngày thì quy ra tiền còn nợ bà N 2.000.000 đồng, bà N tiếp tục đưa thêm 3.000.000 đồng thì chị lại nợ bà N 5.000.000 đồng rồi tiếp tục mượn dần dần lên. Chị xác định địa điểm khi giao dịch tiền với bà N là tại tiệm tóc của chị tại thị trấn H, hoặc có lúc tại nhà bà N, chỉ có chị và bà N chứ không ai chứng kiến. Lúc đóng tiền thì có mấy người học nghề tóc chỗ chị là Lý Hoài N, Huỳnh Thị Huỳnh N2, Nguyễn Ngọc Uyên N3 đóng cho bà N một vài lần trong năm 2018. Nay chị không có khả năng trả do đang thiếu nợ nhiều người. Chị thừa nhận có ký nhận vào biên nhận nợ 13/01/2019 (âm lịch) thể hiện nội dung “*T có mượn số tiền của bà Trương Thị N 2.460.000.000đ ...*” (chị L đã xem lại) chữ ký trong biên nhận nợ là của chị. Theo chị trình bày trong số tiền 2.460.000.000 đồng chị đã trả được 125.400.000 đồng nên chỉ còn lại 2.334.600.000 đồng. Sở dĩ chị ký nhận nợ là do bà N ép, nếu không ký bà N đem qua công an và báo cho chồng chị biết. Do lo sợ nên chị ký chứ bản thân chị không muốn ký. Chị L khẳng định vay bà N số tiền là 4.222.000.000 đồng (từ năm 2013 đến năm 2018 âm lịch) chứ không phải 2.460.000.000 đồng như bà N trình bày; chị đã trả lãi cho bà N 8.407.000.000 đồng, tiền lãi do chị và các học viên chị là chị Nguyễn Ngọc Uyên N3 trả 03 lần số tiền 61.000.000 đồng, chị Huỳnh Thị Huỳnh N2 trả 07 lần số tiền 99.000.000 đồng, chị Lý Hoài N trả 01 lần số tiền 23.000.000 đồng; trong các lần trả này đều không nhớ ngày, không có biên nhận. Chị L xác định chị đã trả lãi dư vốn, việc trả tiền lãi cho bà N chị không có chứng cứ hay giấy tờ gì. Nay bà N yêu cầu vợ chồng chị trả cho bà số tiền 2.340.000.000 đồng và lãi theo pháp luật, chị không đồng ý trả nợ cho bà N vì bà N cho vay lãi cao (trên 10%/ tháng), chị có sổ tay theo dõi đã nộp cho Tòa án; chị xác định hiện nay không còn nợ nần gì bà N.

Bị đơn là anh Võ Xuân D trình bày:

Anh không xác định vợ anh có vay tiền bà N hay không, số tiền vay chị L không sử dụng vào mục đích sinh hoạt, kinh doanh của gia đình. Anh cho rằng trong thông báo của Tòa không đưa anh tham gia tố tụng là chưa thụ lý yêu cầu của nguyên đơn đối với anh; tuy nhiên anh không có ý kiến gì về vấn đề này. Anh D không đồng ý yêu cầu của bà N về việc buộc anh chịu trách nhiệm liên đới trả cho bà N số tiền 2.340.000.000 đồng; ngoài ra anh không ý kiến gì thêm.

Từ nội dung nêu trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2019/DS-ST ngày 14 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu đã tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị N đối với chị Trần Trúc L và anh Võ Xuân D và buộc chị Trần Trúc L và anh Võ Xuân D phải trả cho bà Trương Thị N số tiền 2.340.000.000 đồng. Bác yêu cầu của bà Trương Thị N kiện chị Trần Trúc L và anh Võ Xuân D phải trả lãi trên nợ gốc theo mức lãi suất quy định của pháp luật.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất trong giai đoạn thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 18/10/2019, bị đơn chị Trần Trúc L kháng cáo không đồng ý trả nợ cho bà Trương Thị N số tiền 2.340.000.000 đồng và yêu cầu hủy bản án sơ thẩm.

Ngày 18/10/2019, bị đơn anh Võ Xuân D kháng cáo cho rằng cấp sơ thẩm đưa anh D tham gia tố tụng với tư cách là bị đơn là không đúng và anh D không đồng ý cùng chị L trả cho bà N số tiền 2.340.000.000 đồng do đây không phải là khoản nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân với chị L.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh D giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là Luật sư Trịnh Thanh N1 trình bày:

Tại biên bản hòa giải thành ngày 02/7/2019, đại diện theo ủy quyền của anh D đồng ý cùng chị L trả nợ cho bà N, tuy nhiên anh D đã thay đổi ý kiến. Anh D xác định khi vợ chồng anh cưới nhau thì không có tài sản nhưng hiện nay có nhà riêng cho nên có đủ cơ sở xác định số tiền mà anh D có nhà riêng là tiền chị L vay của bà N. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn anh Võ Xuân D.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Tại phiên Tòa phúc thẩm, bị đơn Trần Trúc L được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng chị L vắng mặt không rõ lý do, xem như chị L từ bỏ kháng cáo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu kháng cáo của chị Trần Trúc L. Đối với kháng cáo của anh Võ Xuân D, Bản án sơ

thẩm phân tích đánh giá chứng cứ là có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của anh Võ Xuân D, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 27/2019/DS-ST ngày 14 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến tranh luận của các đương sự, Luật sư và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của chị Trần Trúc L và đơn kháng cáo của anh Võ Xuân D nộp trong thời hạn luật định, nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Tuy nhiên, tại phiên Tòa hôm nay, chị Trần Trúc L được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng chị L vắng mặt không lý do, xem như chị L từ bỏ kháng cáo. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 312 Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ xét xử đối với yêu cầu kháng cáo của chị Trần Trúc L.

[3] Xét kháng cáo của anh Võ Xuân D, Hội đồng xét xử, xét thấy:

[3.1] Theo Đơn khởi kiện của bà N yêu cầu anh D và chị L trả số tiền 2.460.000.000 đồng. Cho nên, trong quá trình xét xử Tòa án cấp sơ thẩm xác định anh D tham gia tố tụng trong vụ án này với tư cách đồng bị đơn với chị L là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3.2] Tại giấy nhận nợ của chị L với nội dung “*T có mượn số tiền của bà Trương Thị N 2.460.000.000đ ...*”, chị L thừa nhận chữ viết và ký tên trong biên nhận là của chị; do đó việc chị L vay tiền của bà N là có xảy ra trên thực tế, đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự; bà N xác định chị L có trả cho bà 120.000.000 đồng nên số tiền chị L còn nợ bà là 2.340.000.000 đồng; chị L xác định đã trả lãi cho bà N 8.407.000.000 đồng, đồng thời trả gốc cho bà N 125.400.000 đồng; chỉ còn nợ 2.334.600.000 đồng nhưng chị L không cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh nên chỉ có cơ sở xác định theo sự thừa nhận của bà N. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định chị L còn nợ bà N số tiền 2.340.000.000 đồng là có căn cứ.

[3.3] Có căn cứ xác định chị L còn nợ bà N số tiền 2.340.000.000 đồng, và khoản nợ này phát sinh trong thời kỳ hôn nhân giữa chị L và anh D. Anh D xác định đây là nợ riêng của chị L. Theo quy định tại Điều 27 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 quy định “*Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện...*”, do khoản nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân nên buộc anh D và chị L cùng có nghĩa vụ trả nợ cho bà N là phù hợp quy định của pháp luật.

[4] Đối với yêu cầu đòi tiền lãi từ khi chị L vay tiền của bà N, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu đòi tiền lãi trên nợ gốc của bà N do bà không yêu cầu trong đơn khởi kiện. Sau khi xét xử sơ thẩm, bà N không kháng cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Từ những phân tích nêu trên, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của anh Võ Xuân D; có căn cứ chấp nhận đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn; có căn cứ chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên; căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 27/2019/DS-ST ngày 14 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

[6] Án phí dân sự phúc thẩm, chị Trần Trúc L và anh Võ Xuân D phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308; khoản 2 Điều 312 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của chị Trần Trúc L.

Không chấp nhận kháng cáo của anh Võ Xuân D. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 27/2019/DS-ST ngày 14 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị N đối với chị Trần Trúc L và anh Võ Xuân D.

Buộc chị Trần Trúc L và anh Võ Xuân D cùng có nghĩa vụ trả cho bà Trương Thị N số tiền 2.340.000.000 đồng (Hai tỷ ba trăm bốn mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị N đối với chị Trần Trúc L và anh Võ Xuân D đòi tiền lãi trên nợ gốc theo mức lãi suất quy định của pháp luật.

3. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Chị Trần Trúc L và anh Võ Xuân D cùng phải chịu 78.800.000 đồng (Bảy mươi tám triệu, tám trăm nghìn đồng) nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bạc Liêu. Bà Trương Thị N phải nộp 300.000 đồng, bà N đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm số tiền 40.600.000 đồng theo biên lai thu số 0014798 ngày 08/5/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện

H, tỉnh Bạc Liêu được đối trừ, bà N được nhận lại số tiền 40.300.000 đồng (Bốn mươi triệu, ba trăm nghìn đồng).

Án phí dân sự phúc thẩm: Chị Trần Trúc L và anh Võ Xuân D mỗi người phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Chị L và anh D mỗi người đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005813 ngày 18/10/2019 và số 0005812 ngày 18/10/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND huyện H;
- CCTHADS huyện H;
- Đường sự;
- Lưu, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Lệ Kiều